



QUÁI VẬT ĐẢO JEKYLL (CH. 9): LỊCH SỬ NHỮNG NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN

Nguồn: G. Edward Griffin, "The Secret Science", in G.E. Griffin, *The Creature from Jekyll Island: A Second Look at the Federal Reserve* (5th Edition) (California: American Media, 2010), Chapter 9.

Biên dịch: Nguyễn Tiến Đạt | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Nội dung chính: Tóm tắt lịch sử của hoạt động dự trữ bắt buộc; kỷ lục về gian lận, bùng nổ, phá sản, hỗn loạn kinh tế; sự hình thành của Ngân hàng Trung ương Vương Quốc Anh, ngân hàng trung ương đầu tiên trên thế giới vốn trở thành mô hình của Cục Dự trữ Liên bang.

Các ngân hàng đầu tiên nhận tiền gửi đã sớm xuất hiện tại Hy Lạp, đồng thời với sự phát triển của chế độ tiền tệ. Chúng cũng được biết đến ở Ấn Độ vào thời Alexander Đại đế, ở Damascus vào năm 1200, ở Barcelona - Tây Ban Nha vào năm 1401 hay đóng vai trò như một phần của hệ thống kho chứa ngũ cốc công cộng tại Ai Cập. Tuy nhiên, ngân hàng thành phố Venice mới là cái nôi của hoạt động ngân hàng mà chúng ta sử dụng ngày nay.

Ngân hàng thành phố Venice

Tính đến năm 1361, tình trạng lạm dụng hoạt động ngân hàng ở đây thường xuyên đến mức hội đồng thành phố phải thông qua một đạo luật cấm các chủ ngân hàng tham gia bất kì hoạt động thương mại nào khác, do đó ngăn chặn họ sử dụng quỹ tiền gửi để tài trợ cho các doanh nghiệp của mình, điều mà trước đây luôn cảm dỗ họ. Họ buộc phải công khai sổ sách và kho dự trữ vào bất kì thời điểm hợp lý nào.

Vào năm 1524, thành phố thành lập một hội đồng thẩm định ngân hàng. Hai năm sau, tất cả các ngân hàng phải thanh toán nợ với nhau bằng tiền mặt thay vì bằng ngân phiếu.

Tuy nhiên, bất chấp các biện pháp phòng ngừa, ngân hàng lớn nhất tại thời điểm đó, The House of Pisano and Tiepolo, đã chủ động cho vay bằng quỹ tiền gửi và buộc phải đóng cửa do mất khả năng chi trả cho người gửi vào năm 1584. Chính phủ dùng những tài sản còn lại sau vụ đổ vỡ và lập ra ngân hàng trung ương Banco delta Piazza del Rialto. Tiếp thu bài học từ kinh nghiệm phá sản trước đó, ngân hàng mới phải tuân thủ yêu cầu không cung cấp các khoản vay. Không có lợi nhuận từ hoạt động phát hành tín dụng, ngân hàng chỉ được trang trải chi phí từ các loại phí như: phí gửi tiền, phí giao dịch ngoại tệ, phí chuyển tiền thanh toán giữa các khách hàng và phí dịch vụ công chứng.

Người ta đã tìm ra công thức cho hoạt động ngân hàng trung thực khiến ngân hàng này nhanh chóng phát triển thịnh vượng và trở thành trung tâm của hoạt động thương mại tại thành phố Venice. Giấy biên nhận của nó được chấp nhận rộng rãi ngay cả tại nước ngoài và thực tế, thay vì được hưởng chiết khấu khi quy đổi sang tiền xu vàng như thông thường, người ta phải mất phí khi đổi từ tiền xu vàng lấy giấy biên nhận. Điều này là do có quá nhiều loại đồng tiền, mỗi loại có nhiều mức chất lượng khác nhau trong lưu thông khiến mỗi người cần là một chuyên gia mới có thể định giá chúng. Các ngân hàng tự động thực hiện dịch vụ này khi chuyển tiền vào kho bằng cách định giá từng đồng tiền và viết giấy biên nhận phản ánh chính xác giá trị nội tại của chúng. Do đó, công chúng ngày càng tin tưởng về giá trị của các giấy biên nhận hơn giá trị của các đồng tiền. Kết quả là họ sẵn sàng trả một khoản phí nhỏ để sở hữu chúng.

Thật không may, cùng với thời gian, bài học phá sản của ngân hàng The House of Pisano and Tiepolo trước đây dần trôi vào dĩ vãng, thượng viện Venice cuối cùng đã không thể kiên định trước sự cám dỗ của tín dụng. Do buộc phải xoay sở tiền bạc trong khi không thể đối diện với cử tri nếu tăng thuế, các chính trị gia quyết định ủy quyền cho một ngân hàng mới không bị hạn chế đối với các khoản tín dụng và “vay” tiền từ ngân hàng đó. Vì vậy, vào năm 1619, ngân hàng Banco del Giro được thành lập và ngay lập tức tạo ra tiền từ con số không, như người tiền nhiệm đã phá sản trước đó, nhằm mục đích tạo nguồn vay cho chính phủ. Mười tám năm sau, nó bị sáp nhập vào một ngân hàng mới và tia sáng đầu tiên trong lịch sử của hoạt động ngân hàng hiệu quả lóe lên rồi tắt ngấm.

Trong suốt thế kỉ 15 và 16, các ngân hàng mọc lên ở khắp châu Âu. Tuy nhiên, hầu hết chúng đều đi theo vết xe đổ trước đó, trục lợi bằng việc cho vay

những khoản tiền không thực sự có sẵn. Chúng tạo ra những khoản nợ vượt quá lượng dự trữ, và kết quả là tất cả đều thất bại. Điều này không có nghĩa là giới chủ và giám đốc đều chịu chung số phận với ngân hàng của mình mà nó chỉ cho thấy những người gửi tiền mất một phần hoặc toàn bộ tài sản vì đã giao phó chúng cho ngân hàng, nơi cất giữ tiền “an toàn”.

Ngân hàng Amsterdam

Chỉ đến khi ngân hàng Amsterdam được thành lập vào năm 1609, chúng ta mới tìm thấy ví dụ thứ hai của hoạt động hiệu quả của ngân hàng, và kết quả dường như giống với những gì ngân hàng Banco della Piazza del Rialto. Ngân hàng chỉ chấp nhận tiền gửi và kiên quyết từ chối cho vay. Thu nhập của ngân hàng đến từ phí dịch vụ. Tất cả các khoản thanh toán trong và xung quanh Amsterdam sớm được thực hiện bằng tiền giấy do ngân hàng phát hành và trên thực tế, chúng có giá trị cao hơn tiền xu. Người ta yêu cầu những người đứng đầu thị xã và hội đồng thành phố phải tuyên thệ hằng năm rằng quỹ dự trữ bằng tiền xu còn nguyên vẹn. Galbraith nhắc nhở chúng ta:

Một thế kỉ sau khi thành lập, ngân hàng bắt đầu hoạt động tốt và tuân thủ nghiêm ngặt yêu cầu một cách đáng chú ý. Tiền gửi là tiền gửi, và ban đầu, tiền kim loại được lưu kho cho chủ sở hữu cho đến khi người đó chuyển nhượng sang cho người khác. Không một đồng tiền nào được cho vay ra ngoài. Năm 1672, khi quân đội của Louis XIV tiếp cận Amsterdam, đã có báo động đỏ. Các thương gia bao vây ngân hàng, một số họ nghi ngờ tiền của mình không còn trong kho nữa. Tất cả những ai muốn rút tiền của mình đều đã được trả lại và khi những người khác thấy vậy, họ không muốn rút tiền nữa. Như chúng ta thường thấy ngày nay, dù người ta có mong muốn đến mức tuyệt vọng được trả lại tiền từ ngân hàng; thì khi đã được đảm bảo họ sẽ được trả, họ sẽ không còn mong muốn điều đó nữa.¹

Tuy nhiên, các nguyên tắc của sự trung thực và kiểm chế không tồn tại lâu dài. Sự cám dỗ từ lợi nhuận của việc “vẽ” ra tiền là quá lớn. Ngay từ năm 1657, các cá nhân đã được phép viết chi phiếu vượt quá số tiền trong tài khoản của họ. Tất nhiên, điều này có nghĩa là ngân hàng đã tạo ra tiền từ chính khoản nợ của họ. Trong những năm sau đó, các khoản cho vay rất lớn đã được trao cho công ty Đông Ấn Hà Lan (Dutch East Indies). Sự thật này cuối cùng cũng bị vạch trần trước công chúng vào tháng 1 năm 1790, kéo theo nhu cầu rút tiền gửi tăng dần. Bởi

¹ Galbraith, trang. 16.

vậy, mười tháng sau, ngân hàng tuyên bố phá sản và bị mua lại bởi ngân hàng City of Amsterdam.

Ngân hàng Hamburg

Trải nghiệm thứ ba và cũng là cuối cùng về hoạt động ngân hàng trung thực diễn ra ở Đức với ngân hàng Hamburg. Trong hơn hai thế kỉ, ngân hàng này tuân thủ trung thành nguyên tắc tiền gửi an toàn. Hoạt động này tì mĩ đến mức khi Napoleon chiếm ngân hàng vào năm 1813, ông ta thấy 7 triệu 506 ngàn 956 mác bạc đối ứng với số nợ là 7 triệu 489 ngàn 343 mác, nghĩa là lớn hơn số tiền thực tế cần để trả nợ tới 17 ngàn 613 mác. Hầu hết tài sản của ngân hàng từng bị Napoleon lấy đi được chính phủ Pháp hoàn lại một vài năm sau đó dưới dạng chứng khoán. Người ta không chắc về việc lượng chứng khoán này có giá trị lớn hay không, nhưng dù như vậy, chúng cũng không giá trị bằng lượng mác bạc trước đó. Vì cuộc ngoại xâm, lượng tiền trong giấy biên nhận của các ngân hàng không còn đủ để đổi sang tiền xu. Giờ đây, chúng trở thành tiền theo tỉ lệ (fractional money - xem Chương 8 trước để biết thêm chi tiết – NHD) và cơ chế tự hủy hoại đã bắt đầu hoạt động. Ngân hàng Hamburg tiếp tục hoạt động thêm 55 năm nữa cho đến năm 1871 trước khi được lệnh thanh lý tất cả các tài khoản.

Đó là phần kết của câu chuyện ngắn ngủi về hoạt động ngân hàng trung thực. Từ thời điểm đó trở đi, hoạt động dự trữ bắt buộc được thực hiện trên toàn thế giới. Nhưng vẫn còn đó một chặng đường phát triển với những bước ngoặt thú vị trước khi sẵn sàng cho sự ra đời những thực thể phức tạp như Cục Dự trữ Liên bang.

Hoạt động ngân hàng đầu tiên tại Vương Quốc Anh

Tại Vương Quốc Anh, tờ tiền giấy đầu tiên là ngân phiếu dưới thời vua Charles II. Mặc dù được thừa nhận và ban hành chính thức, nó không được sử dụng rộng rãi. Năm 1696, người ta thay thế nó bằng trái phiếu chính phủ. Trái phiếu có thể quy đổi sang vàng và chính phủ đã có một bước tiến lớn khi cam kết rằng họ có đủ tiền xu hoặc vàng thật để thực hiện điều đó. Nói cách khác, chúng thực sự là tiền, và nó đã được chấp nhận rộng rãi như phương tiện trao đổi trung gian. Hơn nữa, trái phiếu được coi như khoản vay ngắn hạn của chính phủ, người sở hữu hưởng lãi suất trên đó.

Năm 1707, Ngân hàng Trung ương Vương Quốc Anh (Bank of England) non trẻ đã được giao trọng trách quản lý loại tiền tệ này. Nhưng ngân hàng tìm thấy lợi

nhuận lớn hơn bằng cách lưu hành tiền giấy của chính mình dưới hình thức tiền theo tỉ lệ để thu tiền lãi chứ không phải bằng việc thanh toán chúng. Kết quả là trái phiếu chính phủ dần biến mất và bị thay thế bởi tiền giấy. Vào cuối thế kỉ 18, đây là loại tiền giấy duy nhất tại Vương Quốc Anh.

Chúng ta cần hiểu rằng vào thời điểm đó, Ngân hàng Trung ương Vương Quốc Anh vẫn chưa hoạt động với đầy đủ chức năng như ngân hàng trung ương ngày nay. Dù ngân hàng được độc quyền quản lý tiền tệ tại Luân Đôn và các khu vực địa lý quan trọng khác, việc sử dụng tiền giấy chưa được quy định trong luật; do vậy, không ai bị buộc phải sử dụng nó. Nó chỉ đơn thuần là giấy biên nhận một phần giá trị của tiền xu vàng cấp bởi một ngân hàng tư nhân mà mọi người được tự do chấp nhận, từ chối hay chiết khấu. Mãi đến năm 1833, người ta mới chính thức công nhận tính hợp pháp của loại tiền này.

Cùng lúc đó, Nghị viện cũng cấp phép cho tất cả các ngân hàng khác trong toàn vương quốc. Cuối cùng, chính việc phát hành tiền giấy thừa thãi đặt dấu chấm hết cho các ngân hàng và những người gửi tiền lại chịu thiệt hại. Shaw phát biểu: “Tai họa liên tiếp giáng xuống đất nước bởi sự thờ ơ của nhà nước đối với những tờ tiền giấy phát hành bởi các ngân hàng tư nhân này”.² Tuy nhiên, do được hưởng sự ưu ái hơn cả từ chính phủ, Ngân hàng Trung ương Vương Quốc Anh hết lần này đến lần khác được Nghị viện cứu khỏi phá sản. Điều đó xảy ra như thế nào là một câu chuyện thú vị.

Ngân hàng Trung ương Vương Quốc Anh

Vương Quốc Anh đã cạn kiệt tài chính sau nửa thế kỉ chiến tranh với Pháp và nhiều cuộc nội chiến hầu hết do mức thuế quá cao. Vào giữa cuộc chiến của Liên minh Augsburg (Chiến tranh chín năm 1689-1698) năm 1693, vua William có nhu cầu cấp thiết về tiền. Hai mươi năm trước đó, vua Charles II đã từ chối thanh toán khoản nợ hơn một triệu bảng do các thợ kim hoàn cho vay dẫn đến hậu quả là mười ngàn người mất tiền tiết kiệm của họ. Kí ức về vụ bê bối này như vừa mới hôm qua đối với mọi người và điều đương nhiên là họ nghĩ việc cho chính phủ vay thật rủi ro. Không có khả năng tăng thuế, không thể vay mượn, Nghị viện tuyệt vọng tìm những cách còn lại để xoay sở tiền. Theo Groseclose, mục tiêu không phải là kiểm soát cơ chế vận hành tiền tệ một cách thông minh hơn mà tìm ra phương thức mới

² W.A. Shaw, *Theory and Principles of Central Banking* (London & New York: Sir I. Pitman & Sons, Ltd., 1930), trang. 32-32.

thỏa mãn cơn khát của chính phủ mà không cần tăng thuế hoặc vay của công chúng.³

Có hai nhóm người nhìn thấy cơ hội từ nhu cầu này. Nhóm thứ nhất bao gồm các nhà chính trị trong chính phủ, nhóm thứ hai gồm nhiều nhà tiền tệ từ các ngân hàng mới nổi. Nhà tổ chức và người phát ngôn của nhóm này là William Paterson đến từ Scotland. Ông từng đến châu Mỹ và trở lại với một kế hoạch quy mô để xin một giấy phép từ Vương Quốc Anh cho một công ty thương mại nhằm chiếm eo đất Panama, lúc đó được gọi là Eo Darien. Chính phủ không mặn mà với việc này nên Paterson chuyển hướng sang một kế hoạch rất hứng thú khác là tạo ra tiền.

Hai nhóm trên cùng nhau thành lập một liên minh, nhưng từ này cũng quá nhẹ nhàng để miêu tả nó. Từ điển American Heritage Dictionary định nghĩa từ "Cabal"(nhóm âm mưu) là "một nhóm bao gồm những kẻ âm mưu xấu xa". Không có từ nào có thể miêu tả chính xác hơn thế. Với nhiều bí mật và bí ẩn tương tự như những gì xảy ra xung quanh cuộc gặp tại đảo Jekyll, nhóm lợi ích Cabal họp tại Nhà nguyện Mercer ở Luân Đôn và vạch ra một kế hoạch bảy điểm phục vụ lợi ích chung của họ:

1. Chính phủ sẽ cấp quyền cho các nhà tiền tệ thành lập một ngân hàng
2. Ngân hàng sẽ được trao độc quyền phát hành tiền giấy lưu hành với tư cách là tiền giấy chính thức của vương quốc
3. Ngân hàng tạo ra tiền từ con số không và chỉ cần một phần tổng số tiền được bảo đảm bằng tiền xu
4. Sau đó, các nhà tiền tệ phải cho chính phủ vay tất cả số tiền mà chính phủ cần
5. Tiền được tạo ra cho chính phủ vay được bảo đảm bởi trái phiếu chính phủ
6. Dù khoản tiền này được tạo mới không mất phí, chính phủ sẽ trả lãi vay 8 phần trăm
7. Trái phiếu chính phủ được dùng làm "tiền dự trữ" để tạo các khoản vay mới cho mục đích thương mại cá nhân. Các khoản vay này cũng được hưởng lãi suất. Do vậy, các nhà tiền tệ có thể thu lãi hai lần mà không cần tiền thật.⁴

³ Groseclose, *Money and Man*, trang. 175.

⁴ Để có cái nhìn tổng quát về những thỏa thuận này, tìm đọc Murray Rothbard, *The Mystery of Banking* (New York: Richardson & Snyder, 1983), trang. 180. Also Martin Mayer, *The Bankers* (New York: Weybright & Talley, 1974), trang. 24-25.

Thông báo được đưa ra nhằm thu hút người mua chứng khoán phát hành lần đầu của ngân hàng giải thích là: “Ngân hàng có lãi từ tất cả lượng tiền mà nó phát hành”.⁵ Điều lệ được ban hành năm 1694 và ngân hàng trung ương đầu tiên trên thế giới ra đời. Rothbard viết:

Nói tóm lại, vì có quá ít người gửi tiền sẵn sàng tài trợ cho thâm hụt ngân sách của chính phủ, Paterson và nhóm của mình sẵn sàng mua giúp chính phủ những tờ trái phiếu mới từ trên trời rơi xuống này với điều kiện họ được cấp phép tại châu Mỹ. Đây không chỉ là một thương vụ tuyệt vời cho Paterson và công ty, chính phủ cũng hưởng lợi từ một câu chuyện thật như đùa do việc ngân hàng cho họ vay có vẻ rất hợp pháp. Ngay khi ngân hàng trung ương Vương Quốc Anh được cấp phép vào năm 1694, vua William và rất nhiều thành viên trong Nghị viện giành nhau để trở thành cổ đông của nhà máy in tiền mới này.⁶

Ngành khoa học bí mật về tiền

Cả hai nhóm trong Cabal đã được trả công hậu hĩnh cho những nỗ lực của mình. Các nhà chính trị cố gắng kiếm 500.000 bảng tài trợ cho chiến tranh đang diễn ra và ngân hàng đã nhanh chóng trả hơn gấp đôi số đó. Các nhà tiền tệ với số vốn đầu tư cam kết ban đầu 1,2 triệu bảng, lãi suất trên giấy tờ chỉ đúng 8%; nhưng một thực tế đã bị bỏ qua là vào thời điểm chính phủ vay, họ mới chỉ đầu tư 720.000 bảng, nghĩa là ngân hàng đã “cho vay” lượng tiền nhiều hơn đến 66% lượng tiền nó thực có.⁷ Hơn nữa, ngân hàng được trao đặc quyền phát hành ít nhất một khoản vay tương đương cho công chúng. Vì vậy, sau khi cho chính phủ vay, ngân hàng vẫn có khả năng cho vay lần hai.

Một khoản cho vay 720.000 bảng thường chỉ mang lại 57.600 tiền lãi. Nhưng, với thủ thuật bí mật mới, họ đã hưởng lãi 8% trên 1,2 triệu bảng cho chính phủ vay cộng thêm 9% lãi trên 720.000 bảng cho công chúng vay. Điều này tăng thêm 160.800 bảng tương đương 22% lãi trên khoản đầu tư. Tuy nhiên, thực tế là trong những trường hợp này, lãi suất trở thành vô nghĩa. Khi người ta có thể “vẽ” ra tiền, lãi suất không chỉ là 8%, 9% hay thậm chí 22%, mà là vô cùng.

⁵ Tịch dẫn bởi Caroll Quigley, *Tragedy and Hope: A History of the World in Our Time* (New York: Macmillan, 1966), trang. 49. Paterson không được hưởng lợi từ sáng tạo của riêng mình. Ông rút lui khỏi ngân hàng sau một bất đồng chính sách trong vào tháng sau khi ngân hàng thành lập và sau đó trở về Scotland, nơi ông bán thành công kế hoạch kinh doanh Eo Darien (Panama) của mình. Những người dân Scotland tiết kiệm để mua chứng khoán và mua vé sang xứ Panama đây bệnh dịch. Chứng khoán mất giá trị và gần như tất cả 1.200 người sang tới nơi đã bị thiệt mạng.

⁶ Rothbard, *Mystery*, trang. 180.

⁷ Tìm đọc R.D. Richards, Ph.D., *The Early History of Banking in England* (New York: Augustus M. Kelley, bản gốc 1929, in lại 1965), trang.148-50.

Trong hành động chính thức này của ngân hàng trung ương đầu tiên trên thế giới, chúng ta có thể thấy sự giả dối ban đầu đặc trưng cho tất cả những gì đi cùng với nó. Ngân hàng vờ cho vay nhưng thực tế là để tạo nguồn tiền cho chi tiêu của chính phủ. Nếu chính phủ trực tiếp làm điều này, người ta sẽ ngay lập tức nhận ra bản chất của những đồng tiền này, và không chấp nhận thanh toán các chi phí theo đúng mệnh giá của tiền. Tuy nhiên, bằng việc tạo tiền thông qua hệ thống ngân hàng, công chúng không hề hay biết về quá trình này. Chẳng ai trong số họ đủ thông minh để có thể phân biệt được những tờ tiền này với những tờ tiền được đảm bảo bằng vàng trước đó.

Do đó, chúng ta cần ghi nhớ rằng sự thật về các ngân hàng trung ương cũng như về cả Hệ thống Dự trữ Liên bang chính là câu chuyện về những thực thể hoạt động như cỗ máy in tiền tàng hình để các chính trị gia có thể kích hoạt bất cứ lúc nào họ muốn dưới chiêu bài mua trái phiếu chính phủ. Đây quả là điều may mắn với nhiều nhà chính trị, những người không còn cần thuế hay tín dụng kho bạc để thu tiền nữa. Quá trình này thậm chí còn dễ hơn cả in tiền vì công chúng không hiểu biết về nó; do vậy, nó thật sự an toàn về mặt chính trị.

Tất nhiên, các nhà tiền tệ được trả tiền cho dịch vụ này. Để duy trì sự giả dối của hoạt động ngân hàng, người ta nói ngân hàng thu lãi vay, nhưng thực tế không phải như vậy. Họ không cho vay tiền, họ "vẽ" ra chúng. Do vậy, người ta nên gọi khoản thu này là phí dịch vụ chuyên nghiệp, hoặc hoa hồng, hoặc tiền bản quyền, hoặc lại quả, tùy theo quan điểm cá nhân; nhưng nhất định không phải là lãi suất.

Từ lạm phát đến các đợt đột biến rút tiền gửi

Tiền mới được tạo ra bởi ngân hàng trung ương Vương Quốc Anh tràn ngập trong nền kinh tế như lá mùa thu. Các ngân hàng nội địa ngoài khu vực Luân Đôn được cho phép tự tạo ra tiền của mình nhưng họ phải dự trữ một tỷ lệ nhất định tiền xu hoặc tiền của ngân hàng trung ương Vương Quốc Anh. Do đó, khi họ có nhiều tiền trong tay, họ nhanh chóng cất chúng vào két và phát hành tiền của mình với lượng lớn hơn. Kết quả của hiệu ứng kim tự tháp này là giá cả tăng 100% chỉ trong vòng 2 năm. Sau đó, điều không thể tránh khỏi đã xảy ra, cuộc đột biến rút tiền gửi khiến ngân hàng trung ương Vương Quốc Anh mất khả năng thanh toán bằng tiền xu.

Khi các ngân hàng không thể thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền trong giấy biên nhận theo hợp đồng, họ sẽ phá sản. Họ nên được cho phép phá sản và thanh lý tài sản để hoàn trả khách hàng như những doanh nghiệp khác. Trên thực tế,

điều này luôn xảy ra với các ngân hàng cho vay những khoản tiền gửi và tự tạo ra tiền. Nếu các ngân hàng tiếp tục hành động này, chắc chắn mọi người sẽ hiểu ra và không muốn làm ăn với họ. Trong suốt quá trình thử và sai đau đớn nhưng hiệu quả về hoạt động của ngân hàng, loài người đã học được cách phân biệt tiền thật với vàng ảo và thế giới ngày nay đã trở nên tốt hơn rất nhiều nhờ có trải nghiệm này.

Điều đó, tất nhiên không được phép xảy ra. Nhóm lợi ích Cabal có quan hệ đối tác và các bên cam kết bảo vệ lẫn nhau không phải vì lòng trung thành mà vì lợi ích của mỗi bên. Họ đều hiểu rằng nếu một bên sụp đổ, bên kia cũng có kết cục tương tự. Do vậy, không ngạc nhiên khi ngân hàng trung ương Vương Quốc Anh bị đột biến rút tiền gửi, Nghị viện sẽ can thiệp. Vào tháng 5 năm 1696, chỉ hai năm sau khi ngân hàng thành lập, người ta đã thông qua một đạo luật cho phép nó được dùng lệnh đình chỉ thanh toán, theo đó, ngân hàng được miễn trách nhiệm thanh toán vàng cho khách hàng theo hợp đồng.

Mẫu hình bảo hộ được thiết lập

Đây là một sự kiện định mệnh trong lịch sử tiền tệ bởi tiền lệ này từ đó tới nay đã luôn được lặp lại. Ở châu Âu và châu Mỹ, các ngân hàng luôn vận hành với giả định rằng các đối tác của họ trong chính phủ sẽ luôn đến cứu trợ nếu họ gặp rắc rối. Các chính trị gia có thể nói rằng họ “bảo vệ công chúng” nhưng sự thật ẩn sau những lời lừa phỉnh đó là chính phủ cần những đồng tiền từ ngân hàng. Do đó, các ngân hàng, ít nhất là các ngân hàng lớn, không được phép phá sản. Chỉ có một thỏa thuận bảo hộ với chính phủ mới giúp các ngân hàng tránh khỏi quy luật đổ vỡ của thị trường tự do.

Người ta thường quan sát thấy vào thời hiện đại bọn tội phạm thường chỉ bị phạt nhẹ khi cướp hàng xóm, nhưng nếu trộm của chính phủ hay ngân hàng, chúng sẽ phải chịu hình phạt rất nặng. Điều này là một ví dụ tái hiện sự móc ngoặc của Cabal. Kể từ khi bắt đầu hợp tác, dưới con mắt của chính phủ, các ngân hàng luôn được xem như cộng tác viên đặc biệt; chẳng hạn, Galbraith cho hay:

Vào năm 1780, khi cầm đầu những tay du côn đi khắp Luân Đôn chống lại các Đạo luật Trợ giúp Công giáo (Catholic Relief Acts), George Gordon đã xác định Ngân hàng là mục tiêu chính vì nó thể hiện nền tảng của chế độ. Ngay cả khi các khu vực của người Công giáo của Luân Đôn bị cướp phá, các nhà chức trách vẫn bình chân như vại. Nhưng ngay khi người ta bao vây Ngân hàng, tình hình trở nên nghiêm

trọng; quân đội can thiệp, và từ đó các binh sĩ được phái tới để bảo vệ ngân hàng vào ban đêm.⁸

Bùng nổ và đổ vỡ không tránh khỏi

Một khi Ngân hàng Trung ương Anh được bảo trợ pháp lý khỏi hậu quả của việc chuyển đổi nợ thành tiền, nền kinh tế Anh lâm vào tình trạng lạm phát chóng mặt, bùng nổ và đổ vỡ. Kết quả tự nhiên ngay lập tức là ngân hàng cấp những khoản vay khổng lồ cho bất kì kế hoạch điên cuồng không tưởng nào. Tại sao lại không chú? Chẳng mất một xu để “vẽ” ra tiền trong khi lợi nhuận tiềm năng khổng lồ. Do đó, Ngân hàng Trung ương Anh và các ngân hàng trong toàn quốc đều đặn bơm những dòng tiền mới vào nền kinh tế, tạo ra hàng núi tiền dựa trên những khoản cung ban đầu. Các công ty chứng khoán lớn được thành lập và tài trợ bởi khoản tiền này. Một công ty giúp theo đuổi mục đích hút nước trên Biển Đỏ để tìm lại số vàng được cho là bị người Ai Cập đánh mất khi truy đuổi người Do Thái. Một dự án khác đổ những khoản đầu tư mạo hiểm mập mờ vào Nam Mỹ và Mê-hi-cô với 150 triệu bảng bị thua lỗ.

Kết quả của trận mưa tiền, điều đã từng lặp lại nhiều lần trong lịch sử, là lạm phát ngày càng cao. Năm 1810, Hạ viện đã thành lập một ủy ban đặc biệt có tên Ủy ban thanh tra giá vàng thỏi nhằm nghiên cứu vấn đề và tìm ra giải pháp. Phán quyết đã được đưa ra trong bản báo cáo cuối cùng một cách rõ ràng. Báo cáo chỉ ra giá cả không tăng, nhưng giá trị tiền tệ giảm do tốc độ gia tăng lượng tiền nhanh hơn tốc độ sản xuất hàng hóa có thể được mua bởi lượng tiền đó. Nguyên nhân đã được tìm ra, còn giải pháp? Ủy ban khuyến cáo buộc ngân hàng trung ương chuyển đổi toàn bộ lượng tiền giấy sang tiền xu vàng, từ đó kiểm chế lượng cung tiền.

Bảo vệ bản vị vàng

Một trong những người ủng hộ công khai nhất đối với bản vị vàng đúng nghĩa là một người Do Thái làm môi giới chứng khoán ở Luân Đôn có tên là David Ricardo. Ông cho rằng một đồng tiền lý tưởng “nên có giá trị không đổi”.⁹ Theo quan điểm này, ông thừa nhận rằng kim loại quý không phải lựa chọn hoàn hảo bởi sức mua

⁸ Galbraith, trang. 34.

⁹ David Ricardo, *The Works and Correspondence of David Ricardo.. Pamphlets 18151823*, Piero Sraffa, ed. (Cambridge: Cambridge University Press, 1951), Vol. IV, trang. 58.

của chúng thay đổi khi bị chia nhỏ. Nhưng ông vẫn nhận định: “Tuy nhiên, kim loại quý vẫn là bản vị tốt nhất mà con người từng có”.¹⁰

Hầu như tất cả mọi người trong chính phủ đều đồng tình với đánh giá của Ricardo, nhưng như chuyện thường xảy ra, cái đúng về lý thuyết sớm muộn gì cũng thua trong trận chiến với sự cần thiết của thực tế. Ý kiến của mọi người là một chuyện; cuộc chiến với Napoleon là một chuyện khác, nó đòi hỏi phải được tiếp tế liên tục. Vương Quốc Anh quyết định tiếp tục sử dụng cơ chế ngân hàng trung ương để lấy tiền từ dân chúng.

Suy thoái và cải cách

Năm 1815, giá cả một lần nữa tăng gấp đôi và sau đó giảm mạnh. Luật Ngũ cốc được thông qua ngay trong năm để bảo hộ nông dân khỏi nông sản nhập khẩu giá rẻ hơn. Sau đó, khi giá ngô và lúa mì lại tăng mạnh trong khi tiền lương và giá cả các loại hàng hóa khác giảm, sự bất mãn, nổi loạn đã lan rộng. Theo ghi chép của Roy Jastram, “Năm 1816, Vương Quốc Anh chìm sâu trong khủng hoảng. Đã xảy ra sự trì trệ trong công nghiệp, thương mại nói chung; công nghiệp sắt và than đá bị tê liệt... Bạo động lác đác nổ ra từ tháng 5 đến tháng 12”.¹¹

Năm 1821, chiến tranh kết thúc cũng là lúc không còn cần tiền cho các chiến dịch quân sự, và do áp lực chính trị không thể cưỡng lại của bản vị vàng, Ngân hàng Trung ương Anh buộc phải quay lại quy đổi tiền giấy ra tiền vàng. Tuy nhiên, cơ chế ngân hàng trung ương không bị xóa bỏ. Nó chỉ bị giới hạn bởi việc phải tuân theo công thức mới về tỷ lệ dự trữ cho phép. ngân hàng tiếp tục ngựa quen đường cũ, và trong vòng một năm, hàng loạt các doanh nghiệp mới lại nở rộ. Sau đó, vào năm 1825, kết cục của việc này đã được tiên liệu trước, khủng hoảng nổ ra bắt đầu với sự sụp đổ của ngân hàng Sir Peter and Company và ngay sau đó là 63 ngân hàng khác. Tài sản bị xóa sổ và nền kinh tế suy thoái trở lại.

Khi cuộc khủng hoảng tương tự xảy ra vào năm 1839, Nghị viện nỗ lực giải quyết vấn đề. Sau 5 năm phân tích và tranh luận, Sir Robert Peel thành công trong việc thông qua một cuộc cải cách ngân hàng. Nó thẳng thắn chỉ ra nguyên nhân của sự bùng nổ và đổ vỡ tại Vương Quốc Anh chính là nguồn cung tiền quá lớn. Cuộc cải cách hệ thống ngân hàng năm 1844 cố gắng hạn chế lượng tiền giấy tạo ra tương đương lượng tiền được đảm bảo bằng vàng hoặc bạc. Đó là một thử nghiệm tốt nhưng cuối cùng không thành công vì thất bại trên ba phương diện: (1)

¹⁰ Như trên, trang.62.

¹¹ Roy W. Jastram, *The Golden Constant* (New York: Wiley, 1977), trang. 113.

Nó là một thỏa hiệp chính trị không đủ nghiêm ngặt, do đó vẫn cho phép các ngân hàng cho vay khổng lồ lên đến 14 triệu bảng. Hay nói cách khác, chỉ tiêu dự trữ an toàn vẫn còn thấp. (2) Cải cách chỉ giới hạn áp dụng với tiền giấy do ngân hàng phát hành mà bỏ qua phát hành tiền séc, hoạt động mà sau này rất được ưa chuộng trong trao đổi. Kết quả là cái được gọi là cuộc cải cách không chạm đến khu vực mà hoạt động lạm dụng đang diễn ra mạnh nhất. (3) Các khái niệm nền tảng vẫn được giữ nguyên, khiến cho người ta có thể dùng trí thông minh chính trị vô hạn để tìm ra các cách cung tiền khác hiệu quả hơn so với hệ thống vàng bạc không bị kiểm soát theo quy luật cung-cầu.

Lạm phát tiếp tục xảy ra

Chỉ trong ba năm sau cái gọi là “cải cách”, Vương Quốc Anh đứng trước một cuộc khủng hoảng khác với số lượng lớn hơn các ngân hàng phá sản, thiệt hại nặng nề hơn cho những người gửi tiền. Nhưng khi Ngân hàng Trung ương Anh lao đảo trên bờ vực vỡ nợ, một lần nữa, chính phủ lại can thiệp. Năm 1847, ngân hàng được miễn dự trữ bắt buộc bởi Đạo luật Điều lệ Ngân hàng (còn gọi là Peel Act). Đây quả là một điểm tựa vững như bàn thạch của các giới hạn nhân tạo nhằm bảo đảm nguồn cung tiền.

Groseclose tiếp tục câu chuyện:

Mười năm sau, năm 1857, một cuộc khủng hoảng khác nổ ra do sự cho vay quá mức và không không ngoạn, hậu quả của sự lạc quan thái quá vào các triển vọng ngoại thương. Ngân hàng lại rơi vào tình cảnh tương tự như năm 1847, và các biện pháp trước đó một lần nữa được thực hiện. Lần này, người ta buộc ngân hàng dùng thẩm quyền để tăng phát hành ủy thác đầu tư (tiền dựa trên nợ) cao hơn giới hạn đặt ra bởi Đạo luật Điều lệ Ngân hàng...

Một lần nữa, năm 1866, tăng trưởng của các hoạt động ngân hàng buông lỏng tính thanh khoản và việc sử dụng tín dụng ngân hàng cho các cơn sốt đầu cơ... đã dọn sẵn đường cho đợt vỡ nợ tiếp theo mở màn bởi vụ phá sản của ngân hàng nổi tiếng Overend, Gurney and Co. Đạo luật năm 1844 lại được áp dụng.

Năm 1890, Ngân hàng Trung ương Anh một lần nữa đối mặt khủng hoảng do hậu quả của việc đầu cơ quá mức và dàn trải vào chứng khoán nước ngoài, đặc biệt là chứng khoán Hoa Kỳ và Argentina. Lần này ngân hàng Baring Brother dẫn đầu danh sách phá sản.¹²

¹² Groseclose, Money and Man, trang. 195-96.

Làn sóng ngân hàng lan sang các quốc gia khác

Đây là một thực tế khó tin trong lịch sử khi bất chấp sự phá sản hàng loạt có tính chu kì của ngân hàng ở Vương Quốc Anh trong thời gian này, cơ chế ngân hàng trung ương vẫn thật hấp dẫn với các nhà chính trị và tiền tệ đến mức nó trở thành mô hình kiểu mẫu cho cả châu Âu. Ngân hàng Bank of Prussia trở thành để chế ngân hàng tại Đức. Napoleon thành lập ngân hàng Banque de France. Một vài thập kỷ sau đó, ý tưởng này trở thành hình mẫu cho Hệ thống Dự trữ Liên bang. Chẳng ai quan tâm nếu đây là mô hình mang tính phá hoại. Với họ, đây là công cụ hoàn hảo để tài trợ cho các chính trị gia cũng như đem lại lợi nhuận vô biên cho các nhà ngân hàng. Và điểm tốt nhất ở đây là trên thực tế, dân chúng, những người cung cấp tài chính cho cả hai nhóm lợi ích, hầu như không biết về những gì đang diễn ra.

Lãnh đạo của các nước trong khối theo chủ nghĩa Lê-nin cũng không phải ngoại lệ dù họ là những người đả kích thẳng thắn, mạnh mẽ nhất vào chế độ ngân hàng của các nước phương Tây. John Maynard Keynes viết:

Lê-nin được cho đã tuyên bố cách tốt nhất để thủ tiêu Chế độ Tư bản là phá hủy hệ thống tiền tệ. Bằng việc gây ra quá trình lạm phát liên tục, các chính phủ chiếm đoạt một phần lớn của cải xã hội một cách bí mật và không bị người dân nhận ra. Bằng cách này, họ không chỉ chiếm đoạt, chiếm đoạt một cách tùy tiện mà còn khiến nhiều người bị nghèo đi để cho một số ít giàu có lên. Khi lạm phát hoành hành, giá trị của tiền tệ biến động dữ dội; và qua thời gian, tất cả quan hệ vốn có giữa con nợ và chủ nợ, quan hệ hình thành nền tảng cốt lõi của chủ nghĩa tư bản trở nên rối loạn đến mức gần như vô nghĩa, cùng với đó là việc làm giàu suy thoái thành một trò cờ bạc hay xổ số.

Lê-nin đã đúng. Không có cách thức nào tinh vi hơn, chắc chắn hơn việc phá hủy tiền tệ để làm đảo lộn cơ sở hiện có của xã hội. Quá trình liên quan đến tất cả những thể lực vô hình của pháp luật kinh tế đang trên bờ vực diệt vong theo cách mà chỉ có một người trong triệu người có thể đoán ra.¹³

Từ đây, chúng ta có thể giả định một cách hợp lý rằng những người theo chủ nghĩa Lê-nin (và những cộng sự theo chủ nghĩa xã hội của họ tại Vương Quốc Anh) đã được báo trước về hiện tượng này. Tuy nhiên, lời nói không đi đôi với việc làm, ở bất cứ đâu hai nhóm này lên nắm quyền, họ đều bắt tay với ngân hàng và gây lạm phát tràn lan để cướp bóc từ chính những người dân của mình.

¹³ John Maynard Keynes, *The Economic Consequences of the Peace* (New York, Harcourt, Brace, and Howe, 1919) từ trang. 235.

Tóm lược

Hoạt động kinh doanh ngân hàng bắt đầu tại châu Âu vào thế kỷ 14. Chức năng của nó là định giá, trao đổi và cất giữ tiền xu cho người dân. Ban đầu, có những ví dụ đáng chú ý về các ngân hàng hoạt động hoàn toàn trung thực với hiệu quả cao trong việc định giá số lượng lớn tiền xu của khách. Họ cũng phát hành giấy biên nhận đáng tin cậy đến mức chúng có thể được lưu thông như tiền giấy và không hề lừa đảo ai trong quá trình này. Nhưng do nhu cầu lớn về tiền và những khoản vay, sự cám dỗ sớm cuốn các ngân hàng vào những con đường kiếm lợi nhuận dễ dàng hơn. Họ bắt đầu cho vay những tờ giấy mà họ gọi là giấy biên nhận nhưng thực tế là giả mạo. Người dân không hay biết và chấp nhận chúng như tiền. Từ thời điểm này trở đi, giấy biên nhận trong lưu thông vượt quá lượng vàng dự trữ và mở ra kỷ nguyên của hoạt động ngân hàng dựa trên tỉ lệ dự trữ. Điều này ngay lập tức dẫn đến kỷ lục gần như chưa bị phá vỡ về lạm phát, bùng nổ, đổ vỡ, đình chỉ thanh toán, phá sản ngân hàng, từ chối sử dụng tiền tệ và các chu kỳ hỗn loạn kinh tế.

Ngân hàng Trung ương Anh được thành lập năm 1694 nhằm thể chế hóa hoạt động dự trữ ngân hàng. Với tư cách ngân hàng trung ương đầu tiên trên thế giới, nó cho ra đời khái niệm móc ngoặc giữa giới chủ ngân hàng và giới chính khách. Ngân hàng "vẽ" tiền cho giới chính khách chi tiêu mà không phải tăng thuế. Đổi lại, các ngân hàng nhận được hoa hồng từ các giao dịch - được giấu dưới vỏ bọc lãi suất. Các giao dịch như vậy cứ thế tiếp diễn. Do được ngụy trang kín đáo dưới các chiêu bài bí ẩn của hoạt động ngân hàng mà người bình thường không thể hiểu được, âm mưu này thực tế không vấp phải sự phản đối nào từ người dân. Mọi đối tượng tham gia đều được hưởng lợi nhiều đến mức mô hình này nhanh chóng lan rộng ra các nước khác ở châu Âu và cuối cùng là Hoa Kỳ.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc

giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
